

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH P**

Số: 45/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

L, ngày 20 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Xuân H, sinh năm 1977;

Bị đơn: Nguyễn H, sinh năm: 1970;

Các đương sự đều trú tại: Khu 10, xã T, huyện L, tỉnh P.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/3/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị Xuân H và anh Nguyễn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Lê Thị Xuân H và anh Nguyễn H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lê Hoàng L, sinh ngày 17/02/2000 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 15/11/2012. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Nguyễn Lê N kể từ tháng 4 năm 2019 đến khi con chung thành niên.

Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng trên một tháng) kể từ tháng 4 năm 2019 đến khi con chung thành niên.

Đối với con chung là Nguyễn Lê Hoàng L đã thành niên lao động tự túc được nên chị H và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Xuân H và anh Nguyễn H đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Về vay nợ, công sức đóng góp bên vợ hoặc bên chồng: Chị Lê Thị Xuân H và anh Nguyễn H đều xác định vợ chồng không có vay nợ tài sản của ai và không cho ai vay nợ tài sản gì; chị H và anh H đều không đóng góp công sức gì cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Xuân H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002596 ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- CCTHA dân sự huyện L;
- UBND xã T;
- Lưu HS+ VP.

THẨM PHÁN

Đinh Việt Giang